

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga và bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 589/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đặng Ngọc S, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T và ông S đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Ngọc S tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59/2024 ngày 26/9/2024. Trước đó bà và ông S đã đăng ký kết hôn lần đầu vào năm 1989. Đến tháng 9/2022, bà và ông S đã được Tòa án huyện V giải quyết cho ly hôn theo Bản án số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022. Sau đó, bà và ông S lại quyết định cho nhau cơ hội nữa và quay về chung sống, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T vào tháng 9/2024. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, đánh đập nhau, không tìm được tiếng nói chung để có thể hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Bà và

ông S đã sống ly thân nhau từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Đến nay bà thấy cuộc sống hôn nhân luôn trong trạng thái căng thẳng, mệt mỏi, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông S nữa, nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Ngọc S.

Về con chung: Bà T và ông S có 02 con chung tên là: Đặng Khoa N, sinh ngày 28/5/1988 và Đặng Khoa Đ, sinh ngày 10/4/1997. Các con chung đã đủ tuổi thành niên và đều có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Đặng Ngọc S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không đến Tòa án làm việc gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Đặng Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại: Tổ I, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”.

- Bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đặng Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Ngọc S chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2024 ngày 26/9/2024. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống, bà T và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại chính quyền địa phương nơi bà T và ông S cư trú, chung sống cho thấy: quá trình chung sống giữa bà T và ông S có xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông S; tiến hành triệu tập làm việc và thông báo cho ông S đến tham gia phiên họp hòa giải tại Tòa án nhưng ông S vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải. Cho thấy ông S cũng không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn hôn nhân với bà T.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà T và ông S có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông S.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông S có 02 con chung tên là: Đặng Khoa N, sinh ngày 28/5/1988 và Đặng Khoa Đ, sinh ngày 10/4/1997. Các con chung đều đã đủ tuổi thành niên và đều có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, ông S cũng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết, ông S cũng không có đơn yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 56, 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị

T về việc “Ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đặng Ngọc S.

1.2. Về con chung: Bà T và ông S có 02 con chung tên là: Đặng Khoa N, sinh ngày 28/5/1988 và Đặng Khoa Đ, sinh ngày 10/4/1997. Các con chung của bà T và ông S đã đủ tuổi thành niên và đều có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010289 ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Bà T, ông S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Tuyến